

Bản án số: 327/2024/DS-ST

Ngày: 12/9/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

\* *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Đỗ Duy Hùng**

2. Ông: **Quách Trung Sơn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Công Thúy An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Cẩm**- Kiểm sát viên.

Vào ngày 12/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 304/2024/TLST-DS ngày 27/5/2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2024/QĐXXST-DS ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

➤ *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Long An.**

➤ *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Anh T**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: **ấp M, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

➤ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Trương Kim N**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: **ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

2. Chị **Nguyễn Thị Minh T1**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: **ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

3. Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: **ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang**

( Anh **H**, anh **T** có mặt tại phiên tòa. Chị **N**, chị **T1**, chị **C** vắng mặt.)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo Đơn khởi kiện không đề ngày năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh **Nguyễn Văn H** trình bày:

- Anh là người mua bán lúa, gạo, vào ngày 02/5/2024 anh có điện thoại nhờ anh **Nguyễn Anh T** bán gạo cho anh giá tại thời điểm là 12.500 đồng/ kg. Tuy nhiên anh **T** lấy mẫu gạo cho chị **C** nấu xem thì cho giá là 12.400 đồng/kg, anh đồng ý bán và giao 02 ghe gạo vào ngày 02 và 03/5/2024, trong đó ngày 02/5/2024

giao 58 tấn. Đến ngày 03/5/2024 anh **T** báo chị **C** bớt 50 đồng/kg còn giá 12.350 đồng/kg anh cũng đồng ý và giao 54 tấn, tổng 02 ghe gạo anh giao là 112 tấn.

Nhưng sau khi nhận gạo, chị **C** xuất hóa đơn cho chị **T1** và **nhà máy P** do chị **N** kế toán xuất hóa đơn cho anh với giá 11.400 đồng/kg giảm so với ban đầu là 1.000 đồng/kg, do sợ mất gạo nên anh đồng ý nhận tiền theo hóa đơn của **nhà máy P** số tiền là 991.370.000 đồng.

Do anh bán gạo cho anh **T** giá 12.400 đồng/kg, nhưng **nhà máy P** mới thanh toán cho anh giá 11.400 đồng/kg giảm so với thỏa thuận với anh **T** là 1.000 đồng/kg x 112 tấn thành tiền là 112.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu anh **T** trả anh số tiền 112.000.000 đồng.

*\* Theo tờ tự khai không đề ngày và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:*

- Anh là người trung gian bán gạo cho anh **H** đang xay tại **nhà máy C2** vào ngày 02 và 03/5/2024, anh có đứng ra bán gạo cho anh **H** số lượng gạo tổng cộng là 112 tấn ( 02 ghe) cho chị **C** là chủ **nhà máy L1**, ghe ngày 02/5/2024 giá là 11.400 đồng/kg, ghe thứ hai ngày 03/5/2024 giá là 11.350 đồng/kg, không phải giá 12.400 đồng/kg như lời anh **H** khai. Phía chị **C** đã chuyển trả tiền cho chị **Minh T1**, sau đó chị **Minh T1** đã trả tiền cho anh **H** xong. Anh không có nhận tiền mua bán gạo của các bên. Nay anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh **H**.

*\* Theo tờ tường trình không đề ngày, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị C1 trình bày:*

Vào ngày 02/5/2024 chị có mua của anh **T** 02 ghe Gạo lúc từ **nhà máy C2** giao 02 ghe số lượng gạo 02 ghe là 112 tấn, ghe thứ nhất giá là 11.400 đồng/kg, ghe thứ hai độ ẩm cao giảm 50 đồng/kg còn lại giá là 11.350 đồng/kg và chị đã làm phiếu và chuyển trả đủ tiền qua tài khoản chị **T1**. Chị không có mua bán gạo với anh **H**.

*\* Theo tờ tự khai không đề ngày, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Minh T1 trình bày:*

Chị là quản lý **nhà máy T2**, vào tháng 4/2024 nhà máy có nhận xay gia công lúa cho anh **H**, sau khi sấy và xay thành phẩm là Gạo lúc, phía anh **H** tự đứng bán Gạo cho chị **C1** (**nhà máy L1**) thông qua anh **T**, việc thỏa thuận mua bán giữa các bên chị không biết và không có liên quan. Khi anh **H** thông báo chị giao **G** cho chị **C1** thì chị giao theo ý kiến anh **H** và chị đã giao cho chị **C1** 02 ghe Gạo là 112 tấn vào ngày 02 và 03/5/2024 mỗi ngày 01 ghe. Sau khi nhận Gạo chị **C1** có xuất hóa đơn và chuyển tiền qua tài khoản của chị nhận dùm, chị trừ chi phí xay gia công còn lại đã chuyển trả đủ cho anh **H**. Việc tranh chấp giữa anh **H** và anh **T** chị không biết và không có ý kiến.

*\* Theo tờ tự khai đề ngày 26/6/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trương Kim N trình bày:*

Chị là kế toán **doanh nghiệp tư nhân T3**, tháng 4/2024 nhà máy có nhận xay gia công lúa cho anh **H**, sau khi xay xong phía anh **H** tự đứng bán Gạo cho chị **C1** thế nào chị không liên quan đến việc mua bán các bên, sau khi nhận Gạo xong, nhà máy chị **C1** xuất hóa đơn và chuyển tiền qua tài khoản cho chị **T1** và theo yêu cầu của chị **T1** chị trừ tiền công xay, còn lại chị chuyển trả đủ cho anh **H** xong. Chị chỉ thực hiện việc chuyển trả tiền theo yêu cầu của chị **T1** căn cứ vào hóa đơn của chị



**C1** xuất. Chị không biết việc mua bán giữa các bên, việc tranh chấp giữa anh **H** và anh **T** chị không có ý kiến.

\* Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn ý kiến, yêu cầu như trên. Chị **C1**, chị **T1**, chị **N** vắng mặt.

\* **Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy: Việc mua bán giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán. **Anh T** không thừa nhận giá theo lời anh **H** khai, việc anh **H** khai thỏa thuận với anh **T** giá 12.400 đồng/kg, nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:**

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn kiện tranh chấp về hợp đồng mua bán, đây là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại **huyện C, tỉnh Tiền Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mua bán Gạo, do vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại các Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Chị **N**, chị **T1**, chị **C1** là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Xét yêu cầu xin vắng mặt của những người liên quan trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **N**, chị **T1**, chị **C1**.

[2]. **Về nội dung vụ án:**

- Anh **Nguyễn Văn H** là người mua bán **L, G**. Tháng 4/2024 anh **H** có đem **L** đến xay ra Gạo lúc tại nhà máy chị **Minh T1**, sau khi xay xong vào ngày 02/5/2024

anh H có điện thoại nhờ anh Nguyễn Anh T là người trung gian bán gạo cho anh. Anh T kê bán số gạo của anh H cho chị C1 và các bên đã thực hiện việc mua bán và đã giao chị C1 nhận tổng cộng là 112 tấn Gạo của 02 ghe gạo vào ngày 02 và 03/5/2024 do nhà máy chị T1 giao.

Sau khi nhận Gạo xong chị C1 xuất hóa đơn cho nhà máy chị T1 với giá 11.400 đồng/kg và chuyển tiền cho chị T1. Khi nhận được hóa đơn và tiền do chị C1 chuyển, chị T1 báo và xuất hóa đơn thanh toán với anh H thì anh H tạm thời nhận hóa đơn, nhưng không đồng ý giá 11.400 đồng/kg mà anh cho rằng thỏa thuận giá với anh T là 12.400 đồng/kg và anh T đã lấy anh số tiền là 1.000 đồng/kg x 112 tấn thành tiền là 112.000.000 đồng.

[2.1]. Anh Nguyễn Anh T thừa nhận có giao dịch đứng ra làm trung gian bán Gạo của anh H, nên xác định tranh chấp giao dịch mua bán Gạo giữa anh H với anh Nguyễn Anh T thực tế phát sinh theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Xét thấy, việc thỏa thuận việc mua bán G giữa anh H và anh T chỉ nói miệng bằng hình thức qua điện thoại, các bên không có văn bản hoặc hợp đồng mua bán với nhau. Tuy nhiên theo lời anh H khai anh thỏa thuận với anh T bán giá 12.400 đồng/kg, không phải giá 11.400 đồng/kg như lời anh T khai, nhưng anh T không thừa nhận và anh H cũng không có chứng cứ chứng minh anh thỏa thuận với anh T bán giá 12.400 đồng/kg. Do vậy anh H yêu cầu anh T trả số tiền chênh lệch giá 1.000 đồng/kg x số lượng 112 tấn thành tiền là 112.000.000 đồng là không có căn cứ.

[2.3]. Xét chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của anh H là không có cơ sở, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H về việc yêu cầu anh Nguyễn Anh T trả số tiền 112.000.000 đồng.

[3]. Xét đề nghị của K sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận đề nghị của K sát viên.

[4]. Về án phí: Do không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 430, Điều 433, Điều 440 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H về việc yêu cầu anh Nguyễn Anh T trả số tiền 112.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:



- Anh **Nguyễn Văn H** phải chịu 5.600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 đồng theo biên lai thu số 0015402 ngày 27/5/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh **H** phải nộp tiếp tiền án phí số tiền là 2.800.000 đồng.

**5. Về quyền kháng cáo:**

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Chị **N**, chị **T1**, chị **C1** được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Kể từ bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Nhịn**